

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động
của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện**

Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 12 năm 2003, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2011;

Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2018;

Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân ngày 30 tháng 6 năm 1989;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995 và Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân ngày 25 tháng 02 năm 2003;

*Theo đề nghị của các Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,
Bộ trưởng Bộ Y tế¹*

¹ Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định

về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2011, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Y tế.”

Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2018, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 19 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (sau đây gọi tắt là Nghị định số 147/2003/NĐ-CP); Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 135/2004/NĐ-CP)”

Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy 2008;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm ngày 14 tháng 3 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về điều kiện, thủ tục cấp, thu hồi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện cho người cai nghiện ma túy tự nguyện (sau đây gọi chung là cơ sở cai nghiện).

Cơ sở cai nghiện do cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập theo quy định của pháp luật, tổ chức hoạt động cai nghiện ma túy theo loại hình dịch vụ có thu, phi lợi nhuận hoặc hoạt động nhân đạo, từ thiện.

2. Các cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc theo Luật Phòng, chống ma túy, được thành lập theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này.

Điều 2. Khuyến khích hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện

Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 1 và có đủ điều kiện theo quy định của Nghị định này thành lập cơ sở cai nghiện đều được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp giấy phép và tạo điều kiện hoạt động cai nghiện ma túy.

Điều 2a. Chế độ chính sách đối với người đi cai nghiện ma túy tự nguyện²

1. Chế độ chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện theo quy định tại Nghị định này được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Điều 48a và Điều 48b Nghị định số 135/2004/NĐ-CP được bổ sung theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 2 Nghị định này.

2. Chế độ chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện theo Khoản 1 Điều này được thực hiện thí điểm từ năm 2018 đến năm 2020 tại 15 cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập ở 10 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gồm: Sơn La, Thái Nguyên, Hòa Bình, Nghệ An, Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đắk Lắk, Đồng Nai, Bình Dương và Cần Thơ.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính về cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập theo Khoản 1 Điều này.

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

² Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2018.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thí điểm quy định tại Khoản 2 Điều này, kiểm tra, theo dõi, đánh giá, tổng kết, báo cáo Chính phủ.

Điều 2b. Thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện³

a) Thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện tối thiểu là 6 tháng, gồm: điều trị cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khỏe; giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách; lao động trị liệu, tư vấn hướng nghiệp, dạy nghề, chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện.

b) Thời gian điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và phục hồi sức khỏe tối thiểu là 20 ngày

Điều 3. Phạm vi cấp phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện⁴

Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện được cấp cho cơ sở cai nghiện hoạt động theo một trong các phạm vi sau:

1. Điều trị cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khỏe;
2. Giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách; lao động trị liệu, hướng nghiệp, dạy nghề, chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện;
3. Thực hiện toàn bộ quy trình cai nghiện, phục hồi theo các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện⁵

1. Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người cai nghiện ma túy; phân biệt đối xử đối với người cai nghiện ma túy.
2. Tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện khi chưa được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động.

³ Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2018.

⁴ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2011.

⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2011.

3. Cho mượn, cho thuê, chuyển nhượng hoặc sử dụng giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện vào các mục đích khác.

4. Áp dụng các phương pháp điều trị, sử dụng thuốc để điều trị hỗ trợ cai nghiện ma túy khi chưa được Bộ Y tế cấp phép.

5. Thực hiện cai nghiện ma túy vượt quá phạm vi hoạt động được ghi trong giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện.

6. Quảng cáo không đúng hoặc quá phạm vi hoạt động được ghi trong giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện.

7. Sử dụng đất đai của cơ sở cai nghiện sai mục đích.

8. Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TUÝ

Điều 5. Điều kiện hoạt động cắt cơn, giải độc và phục hồi sức khỏe⁶

1. Về cơ sở vật chất

a) Có nơi tiếp nhận người nghiện; có khu vực thực hiện cắt cơn, giải độc, cấp cứu có diện tích sử dụng tối thiểu 30 m²; khu vực theo dõi phục hồi sau cắt cơn: Diện tích sử dụng tối thiểu 5m²/người cai nghiện, có các tiện nghi sinh hoạt thông thường (nhà vệ sinh chung, giường, chiếu, chăn, màn riêng cho mỗi người) để có thể bảo đảm thời gian lưu người cai nghiện ma túy tối thiểu là 20 ngày, kể từ ngày bắt đầu cắt cơn, giải độc;

b) Có đủ thiết bị, dụng cụ y tế để thực hiện việc cắt cơn, giải độc, theo dõi sức khỏe, phục hồi sức khỏe sau cắt cơn, giải độc và các thiết bị theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; có thuốc hỗ trợ cắt cơn, giải độc, thuốc chống sốc, thuốc cấp cứu chuyên khoa và các loại thuốc cần thiết khác theo quy định của Bộ Y tế;

c) Có khu vực quản lý riêng cho người cai nghiện ma túy là: người dưới 18 tuổi, phụ nữ, người mắc bệnh truyền nhiễm, người bị loạn thần.

2. Về nhân sự:

a) Người đứng đầu cơ sở cai nghiện phải là người đã có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên và có chứng chỉ hoặc chứng nhận đã hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản về cai nghiện ma túy;

⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

b) Người phụ trách chuyên môn của cơ sở cai nghiện là bác sỹ, được cấp chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực tâm thần hoặc trong lĩnh vực điều trị hỗ trợ cai nghiện, có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh từ đủ 36 tháng trở lên, trong đó có thời gian trực tiếp làm công tác cai nghiện từ đủ 12 tháng trở lên;

c) Cán bộ quản lý, nhân viên y tế, nhân viên tư vấn, điều dưỡng viên làm việc tại cơ sở cai nghiện phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm; có chứng chỉ hoặc chứng nhận đã hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản về cai nghiện ma túy.

Điều 6.⁷ (được bãi bỏ)

Điều 7. Điều kiện đối với cơ sở thực hiện giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách; lao động trị liệu, hướng nghiệp, dạy nghề, chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện⁸

1. Về cơ sở vật chất

a) Có nơi tiếp nhận, chăm sóc, theo dõi và phục hồi sức khỏe sau cắt cơn giải độc. Có khu vực quản lý riêng cho người cai nghiện ma túy là: người dưới 18 tuổi, phụ nữ, người mắc bệnh truyền nhiễm, người bị loạn thần;

b) Có nơi học tập, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, luyện tập dưỡng sinh, sinh hoạt văn hóa văn nghệ theo chương trình giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách cho người cai nghiện ma túy;

c) Có mặt bằng, nhà xưởng đủ điều kiện tổ chức lao động trị liệu phù hợp cho người cai nghiện ma túy.

2. Về nhân sự:

a) Người phụ trách chuyên môn phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: xã hội học, tâm lý học, y tế; có thời gian trực tiếp làm công tác cai nghiện từ đủ 12 tháng trở lên; có chứng chỉ hoặc chứng nhận đã hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản về cai nghiện ma túy; là người làm việc toàn thời gian tại cơ sở cai nghiện;

b) Cán bộ quản lý, nhân viên y tế, nhân viên tư vấn điều dưỡng viên, kỹ thuật viên, giáo viên dạy nghề làm việc tại cơ sở cai nghiện phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên, với chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm;

⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Nghị định 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2011.

⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

có chứng chỉ hoặc chứng nhận đã hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản về cai nghiện ma túy.

Điều 8. Điều kiện đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện thực hiện toàn bộ quy trình cai nghiện⁹

1. Về cơ sở vật chất:

Cơ sở thực hiện toàn bộ quy trình cai nghiện phục hồi phải bảo đảm các điều kiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 5 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP và khoản 4 Điều 1 Nghị định này.

2. Về nhân sự:

a) Người đứng đầu và người phụ trách chuyên môn của cơ sở cai nghiện tự nguyện phải bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định này;

b) Các điều kiện về nhân sự khác quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định này.

Điều 9.¹⁰ (được bãi bỏ)

Chương III

THỦ TỤC VÀ THẨM QUYỀN CẤP, THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY

Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện¹¹

1. Đơn đề nghị cấp phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện.

2. Bản sao chứng thực giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở đề nghị cấp phép theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 3 sửa đổi, bổ sung tại Nghị định này.

3. Bản sao quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ sở cai nghiện tự nguyện do Nhà nước thành lập hoặc giấy chứng

⁹ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2011.

¹⁰ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Nghị định 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2011.

¹¹ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2011.

nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư theo quy định của pháp luật đối với cơ sở đề nghị cấp phép theo quy định tại khoản 2 Điều 3 sửa đổi, bổ sung tại Nghị định này.

4. Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện quy định tại:

a) Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP và khoản 3 Điều 1 Nghị định này đối với hồ sơ đề nghị cấp phép của cơ sở hoạt động điều trị cắt con, giải độc và phục hồi sức khỏe;

b) Khoản 4 Điều 1 Nghị định này đối với hồ sơ đề nghị cấp phép của cơ sở hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách; lao động trị liệu, hướng nghiệp, dạy nghề, chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng; phòng, chống tái nghiện;

c) Khoản 5 Điều 1 Nghị định này đối với hồ sơ đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện toàn bộ quy trình cai nghiện phục hồi.

Điều 11. Thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện¹²

Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện gửi hồ sơ đề nghị cấp phép đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

Điều 12. Thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy cho các cơ sở cai nghiện.

Điều 13. Cách thức thực hiện đề nghị cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện¹³

1. Thời gian và trách nhiệm thực hiện thủ tục:

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, trong thời hạn hai mươi ngày làm việc đối với hồ sơ xin cấp phép; mười lăm ngày làm việc đối với hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định có trách nhiệm tổ chức thẩm định và tổng hợp kết quả gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét cấp phép hoạt động cho cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện. Trường hợp chưa đủ điều kiện cấp phép, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

¹² Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2011.

¹³ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2011.

b) Trong thời hạn hai mươi ngày làm việc đối với hồ sơ xin cấp phép; mười lăm ngày làm việc đối với hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm xem xét cấp, gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện cho cơ sở cai nghiện tự nguyện. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mẫu giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện và hướng dẫn thủ tục thẩm định cấp phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện.

2. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép

Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện được cấp có thời hạn 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 14. Gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện¹⁴

1. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện, gồm:

- a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện;
- b) Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện, bản sao chứng thực giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở đề nghị gia hạn;
- c) Báo cáo chi tiết tình hình tổ chức và hoạt động của cơ sở cai nghiện tự nguyện đề nghị gia hạn giấy phép trong năm năm liên tục gần nhất.

2. Thủ tục gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện thực hiện theo Điều 12 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP và khoản 7, khoản 8 Điều 1 Nghị định này.

Điều 15. Thay đổi phạm vi hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện và thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện tự nguyện¹⁵

1. Thay đổi phạm vi hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện:

- a) Hồ sơ thay đổi phạm vi hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện, gồm:
 - Đơn đề nghị thay đổi phạm vi hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện;
 - Bản sao chứng thực giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với phạm vi hoạt động cai nghiện ma túy đề nghị thay đổi;

¹⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2011.

¹⁵ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2011.

- Báo cáo chi tiết tình hình tổ chức và hoạt động của cơ sở cai nghiện tự nguyện kể từ lần được cấp hoặc gia hạn giấy phép gần nhất, trong đó nêu rõ phương án hoạt động sau khi thay đổi phạm vi hoạt động, phương án giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan.

b) Thủ tục thay đổi phạm vi hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện

Thủ tục thay đổi phạm vi hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện thực hiện theo Điều 12 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP và khoản 7, khoản 8 Điều 1 Nghị định này.

2. Thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện tự nguyện:

a) Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện bị thu hồi trong các trường hợp sau:

- Vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này;

- Tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện;

- Sau sáu tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện mà cơ sở cai nghiện tự nguyện vẫn chưa hoạt động hoặc ngừng hoạt động sáu tháng liên tiếp không có lý do chính đáng; bị giải thể hoặc vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật;

- Cơ sở cai nghiện bị xử lý vi phạm hành chính liên quan đến hoạt động cai nghiện ma túy từ lần thứ ba trở lên trong thời hạn của giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện.

b) Những trường hợp vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện.

Chương IV

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ CAI NGHIỆN VÀ NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TUÝ

Điều 16. Quyền và trách nhiệm của cơ sở cai nghiện

1.¹⁶ Cơ sở cai nghiện có quyền:

a) Được thu tiền dịch vụ cai nghiện theo hợp đồng;

¹⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2011.

b) Được ưu tiên giao đất, thuê đất để xây dựng cơ sở cai nghiện tự nguyện. Đối với các cơ sở cai nghiện tự nguyện hoạt động không thu tiền dịch vụ cai nghiện được xem xét miễn, giảm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật;

c) Được ưu tiên thuê nhà, cơ sở hạ tầng để tổ chức cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;

d) Được xem xét miễn thuế, giảm thuế, được vay vốn hoạt động với lãi suất ưu đãi theo quy định của pháp luật;

đ) Được tiếp nhận các nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở cai nghiện có trách nhiệm:

a) Ban hành điều lệ, quy chế, nội quy hoạt động của cơ sở cai nghiện;

b) Thực hiện cai nghiện cho người nghiện ma túy theo đúng nội dung được cấp Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy và nội dung của quy trình cai nghiện, phục hồi của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế;

c) Tạo điều kiện cho người cai nghiện ma túy ăn, ở, sinh hoạt, học tập, lao động, vui chơi giải trí tại cơ sở cai nghiện;

d) Công khai mức thu dịch vụ cai nghiện, phục hồi và quy định việc miễn, giảm cho người nghiện ma túy thuộc gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách và người có công;

đ) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

e) Phối hợp với các cơ quan của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Công an và chính quyền nơi cơ sở cai nghiện hoạt động cai nghiện ma túy, để quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện và nhận được sự giúp đỡ từ các cơ quan này khi cần thiết;

g) Thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Doanh nghiệp Nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành các luật và pháp lệnh nói trên; thực hiện đúng quy định về chuyên môn kỹ thuật của ngành y tế liên quan đến hoạt động cai nghiện ma túy;

h) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở cai nghiện

1. Người đứng đầu cơ sở cai nghiện có quyền:

a) Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào phòng cách ly đối với người cai nghiện ma túy có hành vi gây rối trật tự công cộng, đe dọa nghiêm trọng đến

tính mạng, sức khoẻ của người khác tại cơ sở cai nghiện, trừ người cai nghiện ma túy dưới 18 tuổi và phụ nữ có thai;

Quyết định đưa vào phòng cách ly phải bằng văn bản, thời hạn cách ly không quá 03 ngày cho một lần quyết định. Trường hợp người vi phạm có ý thức sửa chữa, tiến bộ thì có thể được giảm thời hạn. Quyết định đưa vào phòng cách ly phải ghi rõ lý do và bổ sung vào hồ sơ của người đang cai nghiện;

b) Chấm dứt hợp đồng cai nghiện trước thời hạn đối với người cai nghiện nhiều lần có hành vi vi phạm nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện; thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và gia đình hay người giám hộ người đó biết.

2. Người đứng đầu cơ sở cai nghiện có trách nhiệm:

a) Trong thời gian cai nghiện tại cơ sở cai nghiện, nếu người nghiện ma túy chết, phải tổ chức bảo vệ hiện trường, thông báo ngay cho cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát địa phương nơi gần nhất để tiến hành lập biên bản xác định nguyên nhân; chứng kiến việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi hoặc có thể trưng cầu giám định pháp y; đồng thời thông báo, yêu cầu thân nhân người chết đến để mai táng; Tổ chức mai táng cho người nghiện ma túy chết không có thân nhân, mọi chi phí do cơ sở cai nghiện chi trả.

b) Trường hợp người cai nghiện ma túy bị thương do tai nạn lao động hoặc do các nguyên nhân khác thì phải tổ chức sơ cứu, cấp cứu. Nếu không do lỗi của người cai nghiện ma túy thì cơ sở cai nghiện phải trả các khoản chi phí y tế cho đến khi chữa trị ổn định thương tật;

c) Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của cơ sở cai nghiện theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Quyền và trách nhiệm của người cai nghiện ma túy

1. Người cai nghiện ma túy có quyền:

a) Được cai nghiện ma túy theo nội dung của quy trình cai nghiện, phục hồi thông qua hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy;

b) Đề đạt nguyện vọng hoặc kiến nghị của mình với người đứng đầu cơ sở cai nghiện về việc ăn, ở, sinh hoạt, chữa bệnh, học tập, lao động và các sinh hoạt khác tại cơ sở;

c) Khiếu nại, tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công nhân viên chức trong quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Người cai nghiện ma túy có trách nhiệm:

a) Khai báo chính xác về tình trạng nghiện ma túy của bản thân;

b) Tuân thủ quy chế, nội quy và chịu sự quản lý, giáo dục của cơ sở cai nghiện; thực hiện chế độ lao động, học tập, điều trị, chữa bệnh theo các quy định của pháp luật có liên quan;

Trường hợp người cai nghiện ma túy vi phạm quy chế, nội quy của cơ sở cai nghiện thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý bằng một trong các hình thức dưới đây:

- Nhắc nhở, phê bình.
- Đưa vào phòng cách ly.
- Chấm dứt hợp đồng dịch vụ cai nghiện và thông báo về địa phương.

c) Trường hợp gây thiệt hại vật chất cho cơ sở cai nghiện, người nghiện ma túy hoặc gia đình, người giám hộ phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

d) Đóng góp các chi phí cai nghiện theo hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy.

Chương V

THỦ TỤC TIẾP NHẬN NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN

Điều 19.¹⁷ (được bãi bỏ)

Điều 20.¹⁸ (được bãi bỏ)

Điều 21. Hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện¹⁹

¹⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2018.

¹⁸ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2018.

¹⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp

1. Giao dịch giữa người có nhu cầu cai nghiện ma túy và cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy là quan hệ dân sự, được thực hiện thông qua hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện. Đối với người nghiện ma túy dưới 18 tuổi có nhu cầu cai nghiện ma túy phải thực hiện giao kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện thông qua cha, mẹ hoặc người giám hộ.

2. Khi tiến hành giao kết hợp đồng, người thực hiện giao kết hợp đồng phải chứng minh nhân thân bằng một trong các loại giấy tờ sau: Thẻ căn cước công dân; chứng minh nhân dân; hộ chiếu; giấy khai sinh; giấy phép lái xe.

3. Ngay khi người có nhu cầu cai nghiện ma túy đề xuất nhu cầu sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy và chứng minh nhân thân, cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm giải thích rõ quyền và nghĩa vụ của người cai nghiện, quyền và nghĩa vụ của cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện.

4. Hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện được ký kết giữa người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy và người có nhu cầu cai nghiện ma túy hoặc cha, mẹ, người giám hộ đối với người nghiện ma túy dưới 18 tuổi. Hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Khi tiếp nhận người tự nguyện cai nghiện ma túy, cơ sở cai nghiện phải kiểm tra, lập biên bản tiếp nhận người nghiện ma túy, đồ dùng cá nhân và tư trang (nếu có); khám sức khỏe ban đầu.

Điều 22.²⁰ (được bãi bỏ)

Điều 23. Kết thúc hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện²¹

dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2018 .

²⁰ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2018.

²¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp

1. Khi hoàn thành hợp đồng cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện, các bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật dân sự. Đồng thời, người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy phải cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình cai nghiện ma túy tự nguyện cho người đã cai nghiện ma túy theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện khi kết thúc hợp đồng mà chưa đủ 18 tuổi thì Cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy có trách nhiệm bàn giao người đã cai nghiện cho cha, mẹ hoặc người giám hộ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra vi phạm hợp đồng cai nghiện ma túy tự nguyện thì các bên tiến hành thương lượng. Trường hợp phải chấm dứt hợp đồng thì giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự.

3. Người đi cai nghiện ma túy tự nguyện đang trong thời gian điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và phục hồi sức khỏe không được chấm dứt hợp đồng trừ trường hợp có chỉ định của Bác sỹ.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

1. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện;
2. Hướng dẫn, chỉ đạo việc thẩm tra hồ sơ cấp, gia hạn, thay đổi hoặc thu hồi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy đối với các cơ sở cai nghiện;
3. Chỉ đạo cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức đào tạo tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn của người làm công tác cai nghiện, phục hồi; cập nhật thông tin, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan;
4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế hướng dẫn quy trình cai nghiện, phục hồi sức khỏe, nhân cách cho người nghiện ma túy;
5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Chính phủ.

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Y tế

Bộ Y tế có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn phác đồ điều trị cắt cơn, giải độc; chỉ đạo cơ quan y tế địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức đào tạo tập huấn chuyên môn kỹ thuật y tế

dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2018.

và hỗ trợ cán bộ trong việc tổ chức điều trị cắt cơn, giải độc, cấp cứu người cai nghiện ma túy ở các cơ sở cai nghiện;

2. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình cai nghiện phục hồi sức khỏe cho người nghiện ma túy;

3. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về chuyên môn, kỹ thuật y tế trong các cơ sở cai nghiện.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Công an

Bộ Công an có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn, chỉ đạo công an các cấp phối hợp và hỗ trợ cơ sở cai nghiện giữ gìn an ninh, trật tự tại cơ sở cai nghiện và địa bàn nơi cơ sở cai nghiện hoạt động;

2. Chỉ đạo công an địa phương tổ chức đào tạo, tập huấn về công tác bảo vệ, sử dụng công cụ hỗ trợ, áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm quy chế, nội quy của người cai nghiện, cấp Giấy chứng nhận cho lực lượng bảo vệ theo quy định, đảm bảo tình hình an ninh trật tự cho hoạt động của cơ sở cai nghiện.

Điều 27. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Công an cấp tỉnh xác định rõ trách nhiệm trong công tác quản lý hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện, xây dựng quy chế phối hợp giữa các ngành và các cơ quan liên quan;

b) Chỉ đạo các cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế các cấp kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường đội ngũ cán bộ để đảm bảo thực hiện tốt việc quản lý hoạt động cai nghiện ma túy;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp dưới thực hiện việc thống kê, phân loại người đã cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện; xây dựng kế hoạch quản lý, giáo dục người đã cai nghiện trở về gia đình và cộng đồng.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Công an phối hợp với các cơ quan liên quan nắm tình hình và hỗ trợ khi cần thiết, đảm bảo hoạt động của cơ sở cai nghiện trên địa bàn;

b) Thống kê, phân loại người đã cai nghiện ma túy từ cơ sở cai nghiện trở về gia đình và cộng đồng trên địa bàn;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc thống kê, phân loại và áp dụng biện pháp quản lý, giáo dục, hỗ trợ tạo việc làm ổn định cuộc sống cho người đã cai nghiện trở về gia đình và cộng đồng.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận hồ sơ, thống kê, phân loại, theo dõi người đã cai nghiện trong thời gian ít nhất 24 tháng, kể từ ngày những người này trở về địa phương;

b) Chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể và phân công trách nhiệm tham gia quản lý, giáo dục hỗ trợ người đã cai nghiện, giúp họ hoà nhập cộng đồng và ổn định cuộc sống.

Chương VII

KIỂM TRA, THANH TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 28. Kiểm tra, thanh tra

1. Cơ sở cai nghiện ma túy phải chịu sự kiểm tra, thanh tra định kỳ hay đột xuất của cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội và y tế có thẩm quyền.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế; Sở Lao động – Thương

binh và Xã hội, Sở Y tế có trách nhiệm kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền những vi phạm trong hoạt động cai nghiện, phục hồi của cơ sở cai nghiện.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra hoạt động cấp, thu hồi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy.

Điều 29. Khen thưởng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động cai nghiện ma túy được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Xử lý vi phạm

1. Người cai nghiện ma túy có hành vi vi phạm quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Nghị định này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH²²

²² Điều 3 của Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 12 năm 2011 quy định như sau:

“1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 12 năm 2011.

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 32. Hướng dẫn thi hành

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Công an và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 33. Trách nhiệm thi hành

2. Các cơ sở được cấp phép trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì chậm nhất sau một năm phải bổ sung hoàn thiện theo quy định của Nghị định này.

3. Trách nhiệm hướng dẫn thi hành:

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”.

Điều 3 của Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2018 quy định như sau:

“1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2018.

2. Bãi bỏ Điều 19, Điều 20 và Điều 22 Nghị định số 147/2003/NĐ-CP.

3. Bãi bỏ Điều 26, Điều 27 và Điều 49 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP.

4. Trách nhiệm thực hiện

a) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất quản lý nhà nước về lĩnh vực cai nghiện ma túy tự nguyện; hướng dẫn tổ chức, hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho người làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và báo cáo theo quy định.

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”.

Điều 19 của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2018 quy định như sau:

“1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.”

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này/ *Nla*

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

Số: *1864* /VBHN-BLĐTBXH

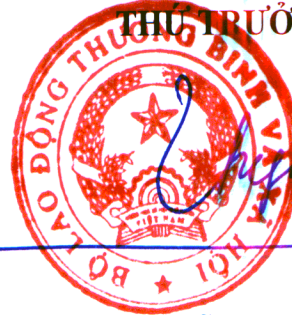
Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để đưa lên Công thông tin điện tử của Chính phủ);
- Công báo (để đăng tải);
- Công thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (để đăng tải);
- Lưu: VT, Cục PCTNXH (3b).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày *15* tháng *5* năm 2019

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Hà